

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 13/10/2024

	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	La Thị Biếc	7,50	Bảy phẩy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
3	Lục Thị Chinh	7,25	Bảy phẩy hai năm	39	Lương Văn Ngu	6,75	Sáu phẩy bảy năm
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Thang Thị Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Văn Dự	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Trần Đức Nhâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	7,00	Bảy
8	La Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	44	Ngân Thị Nương	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nông Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	45	Ngô Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lương Thị Gấm	7,50	Bảy phẩy năm	46	Đàm Văn Quang	6,50	Sáu phẩy năm
11	Nông Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Mông Đình Quế	6,50	Sáu phẩy năm
12	Nông Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm	48	Chu Thị Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Lương Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bế Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	50	Lãnh Thị Minh Tâm	7,50	Bảy phẩy năm
15	Dương Thị Hào	7,00	Bảy	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	7,50	Bảy phẩy năm	53	Bé Thị Thê	8,00	Tám
18	Lương Thị Hợp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	55	Lục Văn Thiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Hoàng Văn Thóm	6,00	Sáu
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	57	Lục Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm

	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Nông Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nông Văn Thương	6,75	Sáu phẩy bảy năm
23	Hứa Quốc Huy	7,00	Bảy	59	Hứa Thị Thúy	6,00	Sáu
24	Hoàng Bích Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nông Ngọc Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Hà Phúc Khải	7,50	Bảy phẩy năm	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Thị Khâm	6,50	Sáu phẩy năm	63	Lương Thị Tiên	8,00	Tám
28	Nông Đức Khánh	7,00	Bảy	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Triệu Thị Tòn	6,50	Sáu phẩy năm
30	Hoàng Thị Kỳ	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Hoàng Minh Trọng	6,50	Sáu phẩy năm
31	Sầm Thị Lanh	7,50	Bảy phẩy năm	67	Hoàng Đức Trung	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Đình Thị Liên	7,00	Bảy	68	Đàm Thị Tuyền	7,00	Bảy
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	6,75	Sáu phẩy bảy năm
34	Nông Thị Luyện	8,00	Tám	70	Hoàng Thị Yên	7,00	Bảy
35	Nông Thị Ly	7,00	Bảy	71	Ngôn Hải Yến	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	7,50	Bảy phẩy năm	72	Lý Thị Hoài	8,00	Tám

Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 08 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 14 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa